

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Phan Ngọc Anh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Tám

Ông Nguyễn Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Vui - Thư ký viên

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Trần Nam Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ái P- sinh năm: 1979; Địa chỉ: Thôn T, xã Vạn T, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần B- sinh năm: 1977; trú tại: Thôn T, xã Vạn T, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 17/4/2024, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 29/5/2024, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/5/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Ái P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ái P và ông Trần B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004; đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79 do Ủy ban nhân dân xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 29/4/2004.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; bất đồng quan điểm sống; không tin tưởng, tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra

cải vã. Ông Bkhông lo chí thú làm ăn mà thường xuyên chơi đánh bạc, uống rượu bia; không quan tâm, chăm sóc vợ con, khi bà Pkhuyên bảo thì xúc phạm danh dự, thậm chí đánh bà nhiều lần. Năm 2016, bà Pyêu cầu ly hôn, nhưng vì các con còn nhỏ, bà Pchấp nhận tha thứ cho ông Bđể vợ chồng đoàn tụ, cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Đến nay, bà Pnhận thấy ông Bvẫn chứng nào tật nấy không thay đổi, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hòa giải được nữa. Nay bà Pxác định không còn yêu thương ông Trần Bvà yêu cầu ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 04 con chung Trần Thị Ái Q - sinh ngày 27/11/2004, Trần Thị L - sinh ngày 20/10/2006, Trần Hiếu L - sinh ngày 09/9/2014 và Trần Hiếu N - sinh ngày 27/10/2015.

Khi ly hôn bà Pyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Trần Thị L - sinh ngày 20/10/2006; Trần Hiếu L - sinh ngày 09/9/2014 và Trần Hiếu N - sinh ngày 27/10/2015 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Con chung Trần Thị Ái Q - sinh ngày 27/11/2004 đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Pkhông yêu cầu ông Bcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Trần Bđến Tòa để trình bày ý kiến về việc bà Pkhởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Bđều không có mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của ông B, không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Ái Pyêu cầu ly hôn với ông Trần B- hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Tân Dân 2, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn ông Bđã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn ông Bvắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của bà Pvà các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa bà Trần Thị Ái Pvà ông Trần Blà tự nguyện, ông bà đã đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 29/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Pvà ông Blà hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Ái Pyêu cầu được ly hôn với ông Trần Bộ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Bđến Tòa để giải quyết vụ án ly hôn, nhưng ông đều không có mặt, chứng tỏ ông Bkhông còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông Bvà bà Phi.

[4] Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, theo bà Ptrình bày là do tính tình vợ chồng không hợp; bất đồng quan điểm sống; không tin tưởng, tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông Bkhông lo chí thú làm ăn mà thường xuyên chơi đánh bạc, uống rượu bia; không quan tâm, chăm sóc vợ con, khi bà Pkhuyên bảo thì xúc phạm danh dự, thậm chí đánh bà nhiều lần. Vào năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà Pđã yêu cầu ly hôn ông Bnhưng được Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng xây dựng hạnh phúc gia đình theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2016/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2016. Tuy nhiên, đến nay bà Phi, ông Bvẫn chưa giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà Ptiếp tục yêu cầu ly hôn. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Pvà ông Bđã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Plà có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung Trần Thị Ái Q - sinh ngày 27/11/2004, Trần Thị L - sinh ngày 20/10/2006, Trần Hiếu L - sinh ngày 09/9/2014 và Trần Hiếu N - sinh ngày 27/10/2015.

[6] Bị đơn ông Trần Bkhông có ý kiến thể hiện yêu cầu nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu của ông. Bà Trần Thị Ái Pyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung chưa thành niên gồm: Trần Thị L - sinh ngày 20/10/2006; Trần Hiếu L - sinh ngày 09/9/2014 và Trần Hiếu N - sinh ngày 27/10/2015 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Hiện nay, bà Plà người đang trực tiếp nuôi dưỡng các con; bà có đủ điều kiện, khả năng để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi thành niên và theo nguyện vọng của 03 con chung đều mong muốn được sống chung với mẹ.

[7] Con chung Trần Thị Ái Q - sinh ngày 27/11/2004 đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà Pyêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con, cần giao cho bà Trần Thị Ái Pđược trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung chưa thành niên gồm: Trần Thị L - sinh ngày 20/10/2006; Trần Hiếu L - sinh ngày 09/9/2014 và Trần Hiếu N - sinh ngày 27/10/2015 cho đến khi các con

chung lần lượt đủ 18 tuổi. Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[9] Bà Pkhông yêu cầu ông Trần Bcấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về tài sản chung: Bà Pkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về nợ chung: Bà Pxác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Bị đơn ông Trần Bmặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của ông Bộ.

[13] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Ái Pphải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

[14] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Trần Thị Ái Pđược ly hôn với ông Trần Bộ.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao cho bà Trần Thị Ái Pđược trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Trần Thị L - sinh ngày 20/10/2006; Trần Hiếu L - sinh ngày 09/9/2014 và Trần Hiếu Nghĩa - sinh ngày 27/10/2015 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Con chung Trần Thị Ái Q - sinh ngày 27/11/2004 đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà Pkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị Ái Pkhông yêu cầu ông Trần Bcấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Bcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà Phi, ông Bcó quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ái Pkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Ái Pphải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006974 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; bà Pđã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã Vạn T;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Ngọc Anh

